

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH QUẢNG NGÃI**  
Bản án số: **95/2024/HS-PT**  
Ngày 23 - 9 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Giang.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Năm.

Ông Lê Quang Toại.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo Như – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 115/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Lê Đăng Đình Đ do có kháng cáo của bị cáo Lê Đăng Đình Đ đối với bản án hình sự sơ thẩm số 104/2024/HS-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

Lê Đăng Đình Đ, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2002 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình H, sinh năm 1978 và bà Trương Thị L, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/11/2023 bị Công an xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), ngày 15/12/2023 chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Tiến M, Hồ Đăng T, Nguyễn Văn C không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Tháng 6/2020, Lê Đăng Đình Đ sử dụng tài khoản Facebook mua một khẩu súng rulo màu đen cùng 08 (tám) viên đạn với giá tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), sau đó mang về cất giấu gần nhà thuộc xóm L, thôn D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình cất giấu khẩu súng, Đoàn thấy 02 (hai) viên đạn đã bị hỏng nên vứt xuống sông nhưng không nhớ khu vực nào. Đến tháng 7/2023, khi Đ cùng Hồ Đăng T thuê trọ tại nhà số A P, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thì Đ mang khẩu súng rulo nói trên cất ở phòng trọ. Quá trình ở chung, Đ có khoe với T về việc bản thân đang cất giấu khẩu súng này.

Đến tháng 8/2023, T hỏi mượn khẩu súng trên thì Đ đồng ý và giao khẩu súng cùng 06 (sáu) viên đạn đã được lắp sẵn cho T. Đến tháng 9/2023, T đến ở trọ cùng Nguyễn Văn C tại thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và T mang khẩu súng cất giấu tại khu vực sau bờ hồ phía sau phòng trọ. Sau đó, T nhờ C cất giấu thì C đồng ý. Cảnh quán bao ni lông và mang khẩu súng ra bên hông phía Tây phòng trọ chôn khẩu súng này dưới đất.

Tối ngày 23/11/2023, Nguyễn Tiến M qua phòng trọ của T chơi và hỏi mượn khẩu súng nên T đồng ý và nhờ C chỉ cho M vị trí cất giấu khẩu súng. Đến khoảng 18 giờ ngày 24/11/2023, M nhớ mâu thuẫn với Phạm Ngọc T1 (sinh ngày 01/11/2002, nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) nên M qua phòng trọ của T đào lấy khẩu súng, cất giấu trong người. Khoảng 20 giờ, M đến gặp T1 đang ở trọ tại thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nói chuyện thì xảy ra cự cãi, M rút khẩu súng từ trong người ra, dùng tay phải giơ khẩu súng hướng lên trời, bắn chỉ thiên 01 phát với mục đích hù dọa. Lúc này, Nguyễn Thanh T2 (sinh năm 2002, nơi cư trú xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi bạn của T1) thấy vậy nên chạy vào phòng trọ lấy kiếm tự chế chạy ra đuổi theo. M bỏ xe máy lại, cầm theo khẩu súng chạy bộ ra hướng đường lớn. Sau đó, M gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh V nói đang bị một nhóm thanh niên đánh và nhờ V giải vây. Lúc này, V đang nhậu cùng Cao Văn H1 (sinh năm 1996, nơi cư trú xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) và một phụ nữ (không rõ lai lịch) tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, V rủ những người này cùng đi xuống xã B thì họ đồng ý. Khi xuống đến xã B thì V gặp M đang đứng ở bãi đất trống nên gọi M lên xe taxi và đến quán K ở thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, M nhờ H1 cất giấu khẩu súng giúp thì H1 không đồng ý nên M đã vứt ra bao cát bên hông quán K.

Tại Bản kết luận giám định số 1130/KL-KTHS ngày 14/12/2023, Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng ngắn ổ quay tự chế, bắn được đạn thể thao cỡ 5,6mm, thuộc vũ khí quân dụng được quy định tại nội dung b, điểm a khoản 1 Điều 1 Luật số 50/2019/QH14, ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; 05 (năm) viên đạn và 01 (một) vỏ đạn bên trong ổ quay của khẩu súng nêu

trên là đạn thể thao cỡ 5,6mm, không phải đạn quân dụng. Các dòng chữ số trên thân súng vẫn còn nguyên thủy, chưa bị đục xóa, sửa chữa.

Tại Bản kết luận giám định số 189/KL-KTHS ngày 09/3/2024, Phòng K1 - Công an tỉnh Q, kết luận: 01 (một) vỏ đạn thể thao cỡ 5,6mm lấy ra từ ổ quay của khẩu súng (chứa trong 01 túi nilông) là do khẩu súng đã tạm giữ bắn ra.

*Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2024/HS-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.*

Tuyên bố bị cáo Lê Đăng Đình Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt:

Bị cáo Lê Đăng Đình Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/7/2024, bị cáo Lê Đăng Đình Đ kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Đăng Đình Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Đăng Đình Đ về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguyên nhân phát sinh hành vi phạm tội của các bị cáo khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét mức độ phạm tội và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng là không nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của bị cáo: Vào khoảng tháng 6/2020, vì sở thích cá nhân nên Lê Đăng Đình Đ đặt mua một khẩu súng rulo màu đen cùng 08 (tám) viên đạn của một người không rõ lai lịch và mang về cất giấu gần nhà. Tháng 8/2023, Đ cho Hồ Đăng T mượn khẩu súng trên. Khoảng tháng 9/2023, T đến ở trọ cùng Nguyễn Văn C tại thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, T nhờ C cất giấu khẩu súng trên thì

C đồng ý, C quần bao ni lông và mang khẩu súng ra bên hông phía Tây phòng trọ chôn khẩu súng dưới đất. Đến ngày 24/11/2023, Nguyễn Tiến M mượn khẩu súng nên T đồng ý và nhờ C chỉ cho M vị trí cất giấu khẩu súng. Khoảng 18 giờ ngày 24/11/2023, M qua phòng trọ của T đào lấy khẩu súng, cất giấu trong người, mang khẩu súng đi đến nhà trọ của Phạm Ngọc T1 và bắn chỉ thiên 01 phát với mục đích hù dọa.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Đăng Đình Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Lê Đăng Đình Đ đã nộp Quyết định về việc xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến việc quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, bị cáo là người có đầy đủ sức khỏe, hiểu biết, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện nên cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Đăng Đình Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, mức hình phạt đối với bị cáo là không nặng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đăng Đình Đ, giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo Lê Đăng Đình Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đăng Đình Đ. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 104/2024/HS-ST ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt:

Bị cáo Lê Đăng Đình Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2024.

2. Bị cáo Lê Đăng Đình Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện Bình Sơn;
- Công an huyện Bình Sơn;
- THA dân sự huyện Bình Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Thị Mỹ Giang**